TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ A
THÀNH PHỐ H N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01A /2020/HSST
Ngày 9.1.2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ A

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà*: **Ông Nguyễn Hồng Bách**
- *Các Hội thẩm nhân dân* : **Bà Nguyễn Thị Nghiêm** (giáo viên)
Ông Nguyễn Hữu Đệ

-Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Ông Thịnh Quang Trung** Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện Đ A, Thành phố H N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ A, thành phố H N tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Việt Hà** - Kiểm sát Viên

Ngày 9.1.2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ H- thành phố H N, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 207/2019/HSST ngày 26.12.2019 đối với bị cáo

Họ và tên: **Lê V C**, Sinh: 1994; ĐKNKTT: Đại Từ 2, Đồng T, Đông S, Thanh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Có bố: Lê V H; Có mẹ là: Nguyễn T C

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

Người bị hại:
Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966
Trú tại: Thôn Vệ, xã Nam H, Đ A, H N.
(xin xét xử vắng mặt)

Người bào chữa cho bị cáo :
Bà Đỗ Thị H, luật sư thuộc văn phòng luật sư Bảo N, Đoàn luật sư TP. H N.

Theo Quyết định số 413/CV-ĐLS ngày 17.9.2019 của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. (có mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Theo bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ A, Lê V C bị truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Ngày 03/7/2019, Cơ quan công an huyện Đ A, TP H N nhận được trình báo của chị Nguyễn T L – sinh 1966 ở Vệ, Nam H, Đông Anh, Hà Nội về việc: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 03/07/2019 chị Lđi xe máy Honda Vision màu đỏ BKS 29S1- 577.44 đến khu vực hội chợ được tổ chức tại sân bóng xã Nam H thuộc địa phận thôn Vệ, Nam H, Đ A, Hà Nội. Chị L để 01 điện thoại di động iphone 6 màu Gold, có sim số 0384068801, trị giá khoảng 5 triệu đồng trong hộc để đồ bên trái của xe máy, đi vào trong hội chợ để mua đồ, khi quay ra thì phát hiện chiếc điện thoại đã bị mất.

Căn cứ trên đơn trình báo, cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra làm rõ:

Lê V C, sinh 1994 trú tại Đông vệ 2. Đông T, Đông S, Thanh Hoá là nhân viên bán quần áo của gian hàng do anh Nguyễn Văn G, sinh 1973 ở số 227, phường Chương D, H K, H N trong hội chợ. Khoảng 10 giờ ngày 3/7/2019, Lê V Cđi bộ từ gian hàng ra nhà vệ sinh của sân bóng để lấy nước. Khi C đi qua chỗ xe máy của chị Ldựng cách gian hàng của C khoảng 10m thì phát hiện 01 chiếc điện thoại để trong hộc để đồ của xe, xung quanh không có người nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. C đi đến chỗ để xe, dùng tay trái lấy điện thoại sau đó đút vào túi quần trước bên trái. Sau khi trộm cắp được điện thoại C mang về tiếp tục giấu vào ba lô quần áo của C để tại gian hàng.

Khi chị L đang mua hàng thì phát hiện để quên điện thoại trên xe máy nên đã quay lại tìm sau đó trình báo cơ quan công an.

Cơ quan công an đã thu giữ của C: 01 điện thoại di động I phone 6 Gold cùng sim, ốp.

Tại bản kết luận số 321 ngày 12/7 /2019 Hội đồng định giá định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ H kết luận điện thại Iphone 6 có giá trị 4.950.000đ, ốp điện thoại giá trị 100.000đ; sim điện thoại giá trị : 50.000đ xác định tổng trị giá tài sản C chiếm đoạt của chị L là 5.100.000 đồng.

Quá trình điều tra UBND xã Đông T xác định Lê V C thuộc dạng khuyết tật nghe, nói, nhìn mức độ nặng tại địa phương và có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần. Ngày 13/8/2019 Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với C.

Viện pháp y tâm thần trung ương có kết luận số 405 ngày 29/10/2019 kết luận: Trước, trong khi phạm tội và tại thời điểm giám định đối tượng Lê V C không có bệnh tâm thần. Tại các thời điểm trên đối tượng đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Cơ quan C sát điều tra, Lê V C khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp tài liệu điều tra thu thập được.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone là tài sản hợp pháp của chị L ngày 10/7/2019 Cơ quan điều tra ra quyết định trả lại cho chị Lương. Sau khi nhận lại tài sản chị L không có yêu cầu gì, đề nghị xử lý C theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 01 ngày 23.12.2019 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Đ H truy tố Lê V C về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017

Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ H sau khi tóm tắt hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá hành vi của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã nêu.

Đề nghị tuyên bố Lê V C phạm tội Trộm cắp tài sản.

Khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã khai báo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người bị khuyết tật nặng. Nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Có nơi trú rõ ràng nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Về dân sự: tài sản đã thu hồi trao trả cho người bị hại, người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu giải quyết bồi thường nên không còn phải xem xét.

Về tang vật vụ án: không phải xử lí về tang vật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173, điểm I, p, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Lê V C từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Đồng T, huyện Đông S, T H quản lý giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến bào chữa:

Thống nhất với Viện Kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng để truy tố và xét xử đối với Lê Văn C.

Về các tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo đề nghị áp dụng thêm điểm h, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xem xét điều kiện, hoàn C phạm tội đề nghị cho bị cáo được hưởng múc hình phạt thấp hơn 6 tháng tù và cho hưởng án treo để có điều kiện cải tạo

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ từ đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ 00 ngày 03/7/2019, Lê V C đã có hành vi chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Iphone loại 6 ; 1 sim điện thoại có trong điện thoại, 1 vỏ ốp điện thoại gắn liền với điện thoại của Bà Nguyễn T L trú tại thôn Vệ, Nam H, Đ A, H N khi bà L đang để điện thoại trong hốc bên trái của xe máy Hon Da Vision của mình đang để tại sân bóng xã Nam H, Đ A, H N và không có ai trông giữ.

Tại bản đã kết luận số 321 ngày 12/7 /2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ H đã kết luận điện thoại Iphone 6 trị gái 4.950.000đ, ốp điện thoại trị giá 100.000đ; sim điện thoại trị giá : 50.000đ xác định tổng trị giá tài sản C chiếm đoạt của chị L là 5.100.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản. Tội danh và hình phạt quy tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 01 ngày 23.1.2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ H truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản là đúng ng- ời, đúng tội.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo đã có thái độ khai báo thành khẩn ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người bị khuyết tật nặng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Quan điểm của luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo phạm tội chưa gây thiệt hại và bị cáo là người có khả năng nhận thức hạn chế là không đúng. Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm này.

Về dân sự: tài sản đã được thu hồi trao trả cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu gì về phần tài sản nên không giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: **Lê V C** phạm tội Trộm cắp tài sản

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i,s,p khoản Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 Điều 106 và Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15.5.2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ Luật hình sự năm 2015, sủa đổi bổ sung năm 2017; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Luật thi hành án dân sự.

Xử phạt:

Lê V C 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Đồng T, huyện Đông S, tỉnh T H quản lý giáo dục trong thời thử thách của án treo. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền đại phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã kí)